



Xây dựng “tâm và tâm” trong giáo dục tại Việt Nam

TS. PHẠM THỊ NGỌC MỸ

*Nguyên Bí thư Đảng ủy,
Hiệu trưởng trường
Đại học Tài chính-Marketing*

Thời gian qua, những hiện tượng không lành mạnh, tiêu cực trong giáo dục đào tạo ở nước ta phát sinh không còn là vấn đề riêng lẻ mà là một vấn nạn tồn tại chỉ ít hàng chục năm đến mức phải báo động vì đang có dấu hiệu trở thành “chuyện bình thường”. Hãy thử đặt câu hỏi: Vì sao hầu hết các tỉnh, thành phố đều muốn có tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) phải là một con số đẹp từ trên 90-100% và các trường học, các lớp học không được có học sinh yếu kém, học sinh lưu ban? Vì sao học sinh từ cấp một đến cấp ba phải học thêm? Vì sao các trường học kể cả các trường công lập ở mọi cấp đào tạo luôn tìm cách lách để hợp thức hóa cho việc ngấm biến tướng của tăng học phí? Vì sao các nhà tuyển dụng đánh giá chất lượng sinh viên ra trường có khuynh hướng

ngày một yếu kém, cần được đào tạo lại sau khi tuyển dụng? Vì sao chúng ta thiếu hụt trầm trọng các công nhân kỹ thuật có tay nghề, các kỹ sư, các nhà quản trị giỏi ở cấp trung gian và cấp cao? Vì sao nhiều trường đại học, cao đẳng có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi, xuất sắc trên 90%, thậm chí có trường lên đến 98,6%? Vì sao các mùa tuyển sinh trong vài năm trở lại đây nhiều trường đại học, cao đẳng không thể tuyển sinh được mà phần lớn là các trường dân lập, tư thục? Vì sao hàng năm nhiều trường đại học, cao đẳng liên tục được ra đời hoặc được cho phép nâng cấp đào tạo ở trình độ này? Vì sao chúng ta đang rất cần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước để sớm trở thành một quốc gia có nền nông – công nghiệp hiện đại thì những ngành kỹ thuật, công nghệ, lại đang rất thiếu người học, thậm chí ở một số trường đại học, cao đẳng không thể đào tạo được cho dù là công lập? Vì sao nghề sư phạm không có người học hoặc nếu có thì chất

lượng đầu vào quá yếu kém trong khi đó lại là nghề đào tạo ra “người thầy” cho xã hội? Vì sao công nghệ dùng bằng giả qua năm tháng đang phát triển theo chiều hướng nâng dần đẳng cấp với khởi điểm ban đầu là bằng phổ thông trung học, sau đó là bằng đại học và nay là bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ? ... Và cuối cùng cho câu hỏi này là vì sao nhiều phụ huynh học sinh bắt con em mình phải thi để vào cho bằng được một trường đại học hoặc chí ít là trường cao đẳng với ưu tiên hàng đầu là trường công lập mà không tính đến việc học ở một trường đào tạo nghề, không tính đến khả năng và sở thích của các em?

Để trả lời cho những câu hỏi này, những năm gần đây và nhất là từ sau Đại hội Đảng CSVN lần thứ XI, vấn đề đổi mới hoạt động giáo dục ở nước ta ngày càng được đặt lên các bàn hội nghị, hội thảo, từ tổ chức cao nhất là Quốc hội, đến Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương và các cơ sở đào tạo để phân tích, mổ xẻ những bất cập trong giáo dục nhằm tìm giải pháp



tháo gỡ. Đây cũng là vấn đề bức xúc của xã hội trong nhiều năm qua chưa được giải quyết.

Trong giáo dục phổ thông, sau khi khai giảng năm học 2011-2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tài liệu hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học để giảm tải chương trình học của cấp học này. Ngày 27-9, Trung ương Hội Khoa học phát triển nguồn nhân lực, nhân tài VN đã tổ chức hội thảo với chủ đề “Nhân tài với thịnh suy đất nước”. Cũng về vấn đề này, để có đội ngũ trí thức đủ mạnh làm việc trong lĩnh vực công quyền, Bộ Nội vụ đang xây dựng đề cuối năm trình Chính phủ hai nghị định về cơ chế, chính sách phát hiện, thu hút và đãi ngộ nhân tài. Trước đó, tại TP.HCM, một trong những trung tâm kinh tế của cả nước, ngày 22-9 UBND thành phố chủ trì cuộc hội thảo “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao – nhu cầu cấp bách” nhằm khơi nguồn thực hiện mục tiêu chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của TP.HCM giai đoạn 2011-2015 với 6 chương trình cụ thể của UBND thành phố, đó là: chương trình nâng cao chất lượng giáo dục đại học, cao đẳng; chương trình nâng cao chất lượng đào tạo nghề; chương trình đào tạo đội ngũ doanh nhân; chương trình nâng cao chất lượng,

phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực văn hóa – nghệ thuật, thể dục – thể thao; chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực y tế; và chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho hệ thống chính trị. Song, những nỗ lực trên đây chưa thể giải quyết được những vấn đề căn cơ của giáo dục nước ta, cần phải có một công cuộc cải cách đủ mạnh trong cả nước để chấn hưng nền giáo dục VN; nên cũng vào ngày 27-9, tại Hà Nội, Ban Tuyên giáo trung ương đã tổ chức buổi tọa đàm về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo VN sau khi Thủ tướng chính phủ đã ban hành quyết định “Phê duyệt chiến lược phát triển nhân lực VN thời kỳ 2011-2020” vào ngày 19/04/2011.

Công cuộc cải cách này thiết nghĩ không thể là công việc đơn phương của một Bộ, một ngành hay một địa phương, và cũng không thể là của riêng Đảng và Chính phủ mà phải là của toàn dân trong cả nước cùng đồng tâm hiệp lực một khi đó là một “Đề án cải cách giáo dục” khả thi và hợp lòng dân. Để làm được, trước tiên cần có một số điều kiện mở đường:

- Cải cách chính sách nhà giáo phải đi trước một bước, bao gồm: chính sách tuyển dụng và đào tạo, chính sách đào tạo lại, chính sách

tiền lương và đãi ngộ, chính sách thu hút nhân tài,...

- Xây dựng “tâm và tầm” cho đội ngũ làm công tác giáo dục bao gồm giới giáo chức và quản lý giáo dục; cho đội ngũ làm công tác quản lý nói chung. Đây là việc làm vừa mang tính mở đường, đồng thời là việc làm vừa mang tính thường xuyên. Nếu không có con người tư duy mới, nắm vững kiến thức mới, am hiểu thực hành trong giáo dục đào tạo và có nhân cách thực sự để là một người trí thức đúng nghĩa thì không thể có người trực tiếp làm công tác cải cách giáo dục.

- Định vị thực chất vị trí của giáo dục VN so với các nước trong khối ASEAN và khu vực châu Á. Đánh giá đúng đắn các nguồn lực nội tại (nhân lực, vốn, công nghệ...) để xác định sứ mạng, tầm nhìn của giáo dục VN phù hợp với năng lực và tình hình thực tế, không duy ý chí để tránh quá tầm, quá sức, không thực hiện được như đã từng xảy ra. Xây dựng một triết lý giáo dục làm kim chỉ nam cho hệ thống giáo dục nước ta.

- Thành lập Ủy ban Cải cách giáo dục gồm những thành viên là người am hiểu giáo dục VN và kinh nghiệm giáo dục, cách làm của các nước, các trường tiên tiến trên thế giới. Ủy ban có nhiệm vụ nghiên cứu và xây dựng “Đề án cải cách giáo dục VN”; chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, báo cáo và điều chỉnh quá trình tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo mục tiêu của đề án. Đề án cải cách giáo dục phải là một tổ hợp các chiến lược và chương trình cụ thể với các giải pháp, lộ trình có tính khả thi cao; trong đó các chiến lược cải cách giáo dục: mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học nghề, cao đẳng, đại học, là vô cùng

quan trọng. Đề án cần được công khai và tiếp thu ý kiến đóng góp của nhân dân trước khi đệ trình Chính phủ và Quốc hội thông qua.

Công cuộc cải cách giáo dục ở nước ta tới đây sẽ nhiều khó khăn và phức tạp. Vì để thực hiện được, cần phải có con người triệt để tư duy mới và hành động mới.

Việc đổi mới tư duy và hành động trong giáo dục ở VN là vấn đề nếu suy nghĩ thoáng qua thì mọi người đều cho rằng khá đơn giản, vì ai cũng thừa khả năng để nhận thức được việc cần thiết phải đổi mới giáo dục đào tạo của nước nhà và cần phải hành động ngay nếu không muốn nước ta ngày càng tụt hậu xa so với các nước trong khu vực. Nhưng sẽ không đơn giản nếu mỗi người phải tự soi rọi lại chính bản thân mình là đã thực sự đổi mới chưa; đã thực sự nắm vững kiến thức khoa học, thực sự là một chuyên gia ở vị trí đang đảm nhiệm và có tâm với công việc mình đang làm chưa; đã có đủ phẩm chất đạo đức của một nhà giáo hay một nhà quản lý chưa; đã thực sự vì lợi ích chung hay chỉ vì lợi ích cá nhân, cục bộ khi xây dựng cơ chế, chính sách quản lý, điều hành ở cấp trung ương hay địa phương hoặc cơ sở ...? Chính “cái tôi” mới là nguồn gốc của rào cản, là trở ngại lớn nhất mà mỗi người buộc phải vượt qua. Biểu trưng cho “cái tôi” chính là “tâm và tầm” của mỗi con người. Những biểu hiện tiêu cực của “tâm và tầm” hiện diện khắp nơi trong

đời sống xã hội và dưới nhiều hình thức. Ở đây xin nêu một vài hình thức biểu hiện tiêu cực hiện chúng ta đang vấp phải; đó là: căn bệnh thành tích và duy ý chí trong giáo dục; căn bệnh tuyển dụng, đánh giá, bổ nhiệm dựa trên quan hệ của chủ nghĩa cá nhân, cục bộ. Do đó, chúng ta không thể kỳ vọng việc đào tạo đảm bảo được chất lượng như từng hô hào; không thể có người tài giỏi đúng nghĩa một khi chính sách tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đãi ngộ không dựa trên năng lực thực và kết quả, hiệu quả công việc; đặc biệt là chưa chú trọng đạo đức cá nhân.

Để đấu tranh cho vấn đề này đòi hỏi phải kiên quyết và kiên trì đến cùng. Tác giả Giáo sư Nguyễn Văn Tuấn và cộng sự của ông đã làm một số phân tích để nhận diện địa phương có dấu hiệu bệnh thành tích trong giáo dục qua đo lường căn bệnh này từ các số liệu về tốt nghiệp trung học phổ thông hệ giáo dục thường xuyên trong các năm 2006-2010 và rút ra những nhận xét khá thú vị. Ở đây chỉ lược nêu lên một vài điểm như sau:

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT năm 2006 gần 92% (năm được cho là đỉnh cao về bệnh thành tích). Năm 2007, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động phong trào “Hai không” thì tỷ lệ tốt nghiệp năm 2007 lập tức giảm ngay xuống chỉ còn 63%. Nhưng ngay sau thời điểm đó, tỷ lệ tốt nghiệp liên tục tăng nhanh chóng

theo đường thẳng, bình quân gần 9% mỗi năm. Đến năm 2010, tỷ lệ tốt nghiệp đạt trở lại mốc 90%, tương đương với tỷ lệ năm 2006.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT ở các vùng Đông bắc và Tây Bắc của Bắc bộ năm 2006 là 93,8% và 88,6% đã đột ngột giảm xuống còn 44% và 37,9% trong năm 2007; song sau đó hàng năm lại bật dậy để đạt ngưỡng 92,7% và 87,5% vào năm 2010.

- Mức độ dao động về tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT trong mỗi tỉnh, thành phố trong thời gian 2006-2010 rất cao. Trong khi đó, độ khác biệt giữa các tỉnh thành cho từng năm thì có xu hướng giảm theo thời gian. Điều này nói lên một nghịch lý là mức độ biến chuyển tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT trong mỗi tỉnh cao hơn mức độ khác biệt giữa các tỉnh

Những phân tích trên đây chứng minh cho việc trở lại của căn bệnh thành tích đã bén rễ lâu ngày trong giáo dục đào tạo ở nước ta mà không thể một sớm xóa ngay. Bởi vì, tuy đã có một chủ trương đúng đắn, nhưng do không được những người thực thi thay đổi nhận thức, kiên quyết thực hiện đến cùng.

Một ví dụ khác: Năm 2007, nước ta có 252 trường đại học và cao đẳng; năm 2010 là 376 trường. Đầu năm 2011, theo quyển “*Những điều cần biết về tuyển sinh*” của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tổng cộng cả nước có 446 trường và cơ sở đào tạo; trong đó: 216 trường đại học

